

Bản án số: 597/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

2. Bà Trần Nguyệt Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư, là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983

Thường trú: 7B trệt, Đường N, Phường M, Quận N (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Phan Thị Thu T1, sinh năm 1990

Thường trú: 7B trệt, Đường N, Phường M, Quận N (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2025, bản tự khai và trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng T và bà Phan Thị Thu T1 tự nguyện xây dựng gia đình năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 22/4/2022.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh một phần do ông không cùng quan điểm trong việc làm ăn của bà Phan Thị Thu T1, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, cả hai không còn tìm thấy tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống chung nặng nề, không còn hạnh phúc. Sau đó, cả hai quyết định

sống ly thân từ khoảng 5 tháng trước thời điểm bà Phan Thị Thu T1 bị Công an bắt để điều tra về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng thực tế không tồn tại, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị Thu T1.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà T1 có 01 (một) con chung, tên là: Nguyễn Hoàng Phi L (nam), sinh ngày 19/01/2024. Ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ L, không yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T khai ông và bà T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông T khai ông và bà T1 không có nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Phan Thị Thu T1 trình bày:

Tại bản tự khai ngày 15/9/2025, bà T1 xác nhận trước khi bị Công an bắt tạm giam tại Trại tạm giam C (Cơ sở X) để điều tra về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì bà và ông T đã ly thân được khoảng 05 tháng, nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn, không hòa giải được. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo đơn xin ly hôn của ông T.

Về con chung: Bà T1 xác nhận quá trình chung vợ chồng, bà và ông T có 01 (một) con chung, tên là: Nguyễn Hoàng Phi L (nam), sinh ngày 19/01/2024. Bà đồng ý giao con cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; bà ghi nhận về việc ông T không yêu cầu bà có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T1 khai bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T1 khai bà và ông T không có nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, vì bà đang bị tạm giam, không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án nên bà T1 đã có đơn đề ngày 15/9/2025 về việc xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ngày 16/9/2025, Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Nguyễn Hoàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Phan Thị Thu T1 đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt vì hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T: Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng T được ly hôn với bà Phan Thị Thu T1; Về con chung: Có 01 (một) con chung, tên là: Nguyễn Hoàng Phi L, sinh ngày 19/01/2024. Giao cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ Nguyễn Hoàng Phi L. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Ông T và bà T1 tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về nợ chung: Ông T và bà T1 tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Ông T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thu T1, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Văn bản trả lời xác minh số 1664/PC11-Đ1 ngày 27/3/2025 và Văn bản xác nhận số 86/XN-PC11A-Đ1 ngày 15/9/2025 của Trại tạm giam C – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định bà Phan Thị Thu T1, sinh năm 1990, có địa chỉ thường trú 7B trệt Đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay địa chỉ mới là 7B trệt Đường N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), đang bị giam giữ tại Trại tạm giam C; ngày bắt 05/10/2024; Hành vi phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cơ quan thụ lý giải quyết (tại thời điểm xác minh ngày 27/3/2025 là Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, có cơ sở xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn bà T1 trước khi bị giam giữ tại Trại tạm giam C là nơi bà có đăng ký thường trú tại địa chỉ 7B trệt Đường N, Phường M, Quận N (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên thuộc

trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng của đương sự:

Ông Nguyễn Hoàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Phan Thị Thu T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Hoàng T và bà Phan Thị Thu T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 22/4/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng khi kết hôn và chung sống với nhau phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng một cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà T1 lại xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm về công việc làm ăn của bà T1, không phù hợp về lối sống và không hòa hợp về tính tình, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, cả hai không còn tìm thấy tiếng nói chung, cuộc sống chung vợ chồng trở nên nặng nề, không còn hạnh phúc. Sau đó, cả hai đã quyết định sống ly thân từ khoảng 5 tháng trước thời điểm bà Phan Thị Thu T1 bị Công an bắt để điều tra về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quá trình giải quyết vụ án, khi tiến hành làm việc với bà T1 tại Trại tam giam C, bà T1 cũng xác nhận về mâu thuẫn vợ chồng.

Đến nay cả bà T1 và ông T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Bản thân ông T có nguyện vọng được ly hôn để chấm dứt tình trạng hôn nhân không hạnh phúc, ổn định cuộc sống và chăm sóc con nhỏ. Bà T1 cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T. Qua đó, cho thấy bản thân bà T1 cũng không còn muốn níu kéo đối với cuộc hôn nhân này.

Tại văn bản trả lời xác minh về tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T1 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N (nay là Phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: Ủy ban nhân dân Phường xác nhận ông T và bà T1 từng sống chung với nhau tại địa chỉ 7B trệt Đường N. Quá trình chung sống tại địa phương không có hành vi gây gổ, cãi vã làm mất trật tự tại địa phương. Tại Ủy ban nhân dân Phường cũng không nhận được đơn thư phản ánh hay ghi nhận gì liên quan đến cuộc sống hôn nhân gia đình giữa hai ông bà.

Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của đôi bên, nên việc ông T và bà T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng thực tế không tồn tại, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được thì đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hoàng T. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Phan Thị Thu T1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà T1 khai quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phi L (nam), sinh ngày 19/01/2024. Ông T yêu cầu được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ L. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Tại văn bản trả lời xác minh về tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T1, ý kiến về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Thắng về việc ly hôn, nuôi con chung của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N (nay là Phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: Tòa án xét xử như thế nào phải bảo vệ quyền lợi và sự phát triển tốt của trẻ Nguyễn Hoàng Phi L.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại, ông T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Phi L. Bà T1 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C, Thành phố Hồ Chí Minh, không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con, mặt khác bà T1 cũng đồng ý với yêu cầu của ông T, do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho đứa trẻ, cần tiếp tục giao ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Nguyễn Hoàng Phi L. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông T không yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng; bà Phan Thị Thu T1 cũng đồng ý với việc này. Xét đây là sự tự nguyện của ông T, phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận ghi nhận tự nguyện này của ông T.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà T1 tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông T và bà T1 tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Như vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng T được ly hôn với bà Phan Thị Thu T1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 62, ngày 22/4/2022 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Phan Thị Thu T1 tự khai có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Phi L (nam), sinh ngày 19/01/2024. Giao ông Nguyễn Hoàng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Nguyễn Hoàng Phi L. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hoàng T về việc không yêu cầu bà Phan Thị Thu T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Ngược lại, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Phan Thị Thu T1 tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Phan Thị Thu T1 tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Án phí của vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Hoàng T phải chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0061181 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Nguyễn Hoàng T đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
 - VKSND khu vực B - TP. HCM;
 - Phòng THADS khu vực B - TP. HCM;
 - UBND phường T, TP.HCM
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 22/4/2022
của UBND phường T, Quận B (cũ);
- Các đương sự;
 - Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huế

Nơi nhận:
THẨM

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND P.9, Q.PN;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu Dung

